TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: 21/2025/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 16 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2019/UBTVQH14 ngày 30/12/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung* ", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc HNGĐ:*

1. Anh Lê Trọng C, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng.

2. Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn P, xã V, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Trọng C và chị Nguyễn Thị V tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 23/3/2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Anh C và chị V chung sống đến nay thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không còn tình cảm với nhau nữa. Nay anh C và chị V xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng. Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Anh C và chị V tự nguyện thỏa thuận sau khi ly hôn giao 02 con chung là Lê Nguyễn Kim N, sinh ngày 19/7/2014 và Lê Hoàng K, sinh ngày 26/10/2021 cho anh Lê Trọng C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu N và K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Anh C và chị V thống nhất chị V không cấp dưỡng nuôi con.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thỏa thuận giao nuôi con chung giữa vợ chồng là hợp pháp, phù hợp với thực tế nên công nhận.

[3] **Về tài sản chung:** Anh C và chị V thống nhất khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4]. **Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm**: Anh C và chị V phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 08/9/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Trọng C và chị Nguyễn Thị V (giấy chứng nhận kết hôn số 41/2022 ngày 30/12/2022, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Quảng Nam (nay là UBND xã T, thành phố Đà Nẵng).

1.2. Về con chung: Sau khi ly hôn anh Lê Trọng C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Lê Nguyễn Kim N, sinh ngày 19/7/2014 và Lê Hoàng K, sinh ngày 26/10/2021cho đến khi các cháu N và K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Chị V không cấp dưỡng nuôi con.

Người không nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản. Khi có lý do chính đáng đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Anh C và chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Nguyễn Thị V và anh Lê Trọng C phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh C và chị V đã nộp theo biên lai thu số 0002274 ngày 08/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 11-Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Hùng